

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15-7-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Đào

2. Ông Hồ Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:
Ông Lương Bá Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 229/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Kim T, sinh năm 2000

Địa chỉ: 39/3 hẻm 2 đường Huỳnh Công Giản, khu phố 7, phường 3, thành phố Tn, tỉnh Tn.

- Bị đơn: Anh Lê Văn L, sinh năm: 1998

Địa chỉ: Ấp C, xã CG, huyện G, tỉnh Tn.

Chị T và anh L đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-02-2022, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Trần Kim T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn L chung sống với nhau từ tháng 4-2017, hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Anh chị chung sống có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Tn năm 2018.

Sau khi kết hôn, chị và anh L sống chung với cha chồng tại địa chỉ ấp C, xã CG, huyện G, tỉnh Tn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến giữa năm 2018

thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L không chịu đi làm để có tiền sinh sống mà bắt đầu tụ tập bạn bè đi chơi thường xuyên, bỏ mặc vợ con không chăm sóc nên vợ chồng cãi nhau thường xuyên. Chị có khuyên anh L nhưng anh L không thay đổi mà còn kiếm chuyện gây gổ. Tháng 11-2020, chị về nhà cha mẹ ruột ở nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh L có vài lần đến thăm con rồi đi. Từ tháng 7-2021 đến nay, anh L không đến thăm con nữa nên vợ chồng cũng không còn gặp hay liên lạc với nhau. Nay tình cảm vợ chồng giữa chị với anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn với anh L.

Về nuôi con: Anh chị có 01 người con chung tên Lê Đình Thiện N, sinh ngày 18-01-2018. Hiện nay cháu N ở cùng với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh L không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12-5-2022, bị đơn anh Lê Văn L trình bày:

Về hôn nhân, anh và chị T chung sống với nhau từ năm 2018. Quá trình chung sống anh và chị T có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân như chị T trình bày. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Anh đã nhiều lần đến nhà năn nỉ vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý. Anh và chị T sống ly thân từ khoảng giữa năm 2021 đến nay. Anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về nuôi con: Có 01 người con chung như chị T trình bày. Anh đồng ý giao cho chị T được quyền nuôi dưỡng, giáo dục cháu N. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh L;

Về con chung: Giao chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Đình Thiện N, sinh ngày 18-01-2018. Ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Kim T có đơn xin vắng mặt, còn bị đơn anh Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Hôn nhân của chị Trần Kim T và anh Lê Văn L là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L thường xuyên đi chơi và không chịu làm việc. Chị T và anh L đã ly thân từ tháng 7-2021 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh L và anh L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận ý kiến của anh L và chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về nuôi con*:

[3.1] Anh chị có 01 người con chung tên Lê Đình Thiện N, sinh ngày 18-01-2018. Hiện cháu N đang sống chung với chị T và được chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục con chung và được anh L đồng ý nên Hội đồng xét xử cần giao cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Anh chị khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không giải quyết.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[6] *Về án phí*: Chị T phải chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 227, 228 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Kim T đối với anh Lê Văn L. Chị Trần Kim T được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về nuôi con: Giao cho chị Thao được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Đình Thiện N, sinh ngày 18-01-2018. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh L có quyền và nghĩa vụ trông nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0024271 ngày 27-4-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, chị T đã nộp xong tiền án phí.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân phường 3, TP. Tn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

TRẦN THỊ KIM CƯƠNG